

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN GIÁM ĐỊNH VÀ CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA TRONG GIÁM ĐỊNH HÌNH ẢNH TỪ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ

ĐỖ NGỌC TÂN*

Tóm tắt: Trong bối cảnh tội phạm công nghệ cao ngày càng tinh vi, giám định hình ảnh từ dữ liệu điện tử (DLĐT) có vai trò đặc biệt quan trọng trong điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan giám định (CQGĐ) và Cơ quan An ninh điều tra (CQANĐT) vẫn còn hạn chế về cơ chế và quy trình. Bài viết phân tích thực trạng, chỉ ra bất cập và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp, bảo đảm giá trị pháp lý và tính khách quan của kết quả giám định, góp phần đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Từ khóa: An ninh điều tra; dấu vết hình ảnh; dữ liệu điện tử

Ngày nhận bài: 04/9/2025; **Biên tập xong:** 30/10/2025; **Duyệt đăng:** 10/01/2026

ENHANCING THE EFFECTIVENESS OF COORDINATION BETWEEN FORENSIC EXPERTISE AGENCY AND THE SECURITY INVESTIGATION AGENCY IN IMAGE EXAMINATION FROM ELECTRONIC DATA

Abstract: In the context of increasingly sophisticated high-technology crimes, the examination of images derived from electronic data plays a particularly important role in investigation, prosecution, and adjudication. However, coordination between Forensic Expertise Agency and the Security Investigation Agency remains limited in terms of mechanisms and procedures. This article analyzes the current situation, identifies existing shortcomings, and proposes solutions to enhance the effectiveness of coordination, thereby ensuring the legal validity and objectivity of forensic examination results and contributing to meeting the requirements of crime prevention and control in the new context.

Keywords: Security investigation; image traces; electronic data

Received: Sep 04, 2025; **Editing completed:** Oct 30, 2025; **Accepted for publication:** Jan 10, 2026

Đặt vấn đề

Sự phát triển tinh vi của tội phạm khiến chứng cứ điện tử ngày càng trở nên phổ biến. Vì vậy, hoạt động giám định hình ảnh từ DLĐT giữ vai trò quan trọng trong giải quyết các vụ án hình sự, đặc biệt là những vụ án an ninh quốc gia. Thực tiễn cho thấy, quan hệ phối hợp giữa CQANĐT và CQGĐ vẫn còn hạn chế về quy trình, trao đổi thông tin và nhận thức chuyên môn, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giám định. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu quả phối hợp giữa hai cơ quan trong thời gian tới.

Theo Từ điển Khoa học và Công nghệ Anh-Việt, "hình ảnh" là tập hợp các điểm ảnh trong không gian số, có thể được lưu trữ, chỉnh sửa và hiển thị trên các thiết bị điện tử¹. Với cách hiểu này, hình ảnh kỹ thuật số là những hình ảnh được tạo ra và lưu trữ dưới dạng dữ liệu số trên các phương tiện điện tử như

máy ảnh, điện thoại, đầu ghi hình camera, máy tính. Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: "DLĐT là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử". Như vậy, bản chất hình ảnh là một dạng tồn tại của DLĐT, được hình thành và tồn tại, lưu trữ trên các thiết bị điện tử, kỹ thuật số. Từ các góc độ nêu trên, khái niệm dấu vết hình ảnh từ DLĐT trong điều tra vụ án hình sự được hiểu như sau: "Dấu vết hình ảnh trong điều tra vụ án hình sự là những phản ánh của vật chất, sự vật, sự kiện, hành vi có liên quan đến vụ việc hình sự, được ghi nhận và lưu trữ dưới dạng tín hiệu điện tử thể hiện thông qua hình ảnh, có khả năng phục hồi, phân tích và sử dụng làm chứng cứ, thường được lưu giữ trong các phương tiện điện tử".

Giám định dấu vết hình ảnh là một chuỗi hoạt động liên quan đến cả CQANĐT và

¹ Ban Từ điển (2006). Từ điển Khoa học và Công nghệ Anh-Việt. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

* Email: Dongoctan88@gmail.com

Thạc sĩ, Khoa An ninh điều tra, Học viện An ninh nhân dân

CQGD chuyên ngành nhằm mục đích đưa ra kết quả giám định như một nguồn chứng cứ có giá trị phục vụ điều tra, truy tố và xét xử. Do đó, có thể xác định: “*Giám định dấu vết hình ảnh là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, yêu cầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có chuyên môn thực hiện việc nghiên cứu, phân tích, đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn liên quan đến dấu vết hình ảnh nhằm phục vụ công tác điều tra và giải quyết vụ án hình sự*”.

Theo Từ điển Tiếng Việt, “quan hệ phối hợp” được hiểu là cùng hành động hoặc hoạt động hỗ trợ lẫn nhau². Nói cách khác, đó là sự kết hợp giữa các chủ thể trong cùng một mục tiêu chung nhằm tăng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Quan hệ phối hợp đòi hỏi các bên không chỉ có sự thống nhất về ý chí mà còn cần triển khai hành động chung, tuân thủ kế hoạch tổ chức dưới sự điều hành thống nhất, góp phần hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng và hiệu quả cao hơn so với việc thực hiện đơn lẻ. Từ các phân tích lý luận và thực tiễn nêu trên, có thể đưa ra khái niệm: “*Quan hệ phối hợp giữa CQGD và CQANĐT trong giám định dấu vết hình ảnh từ DLĐT là hoạt động phối hợp thống nhất về mục đích, nội dung, lực lượng, thời gian và phương pháp thực hiện do CQGD tiến hành dựa trên yêu cầu giám định của CQANĐT, trên cơ sở chức năng, thẩm quyền và chuyên môn của mỗi bên nhằm bảo đảm việc giám định dấu vết hình ảnh được tiến hành hiệu quả, khách quan, đúng pháp luật*”.

1. Thực trạng quan hệ phối hợp giữa cơ quan giám định và cơ quan An ninh điều tra trong giám định hình ảnh từ dữ liệu điện tử

Quan hệ phối hợp giữa CQGD và CQANĐT trong giám định hình ảnh từ DLĐT có bản chất đặc thù hơn so với các loại giám định khác. Do đối tượng giám định là dữ liệu số dễ bị can thiệp, việc phối hợp đòi hỏi phải chặt chẽ ngay từ khâu thu giữ, bảo quản đến phân tích kỹ thuật, nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn và giá trị chứng cứ của dữ liệu. Quan hệ này không chỉ mang tính pháp lý mà còn là sự phối hợp kỹ thuật công nghệ, với mức độ bảo mật cao, thường gắn với các vụ án an ninh quốc gia. Đây là điểm khác biệt rõ nét so với quan hệ phối hợp trong các giám định thông thường khác, vốn ít phụ thuộc vào công nghệ cao và có tính chất điều tra đa dạng hơn. Do đó, cần đánh giá toàn diện quan hệ phối hợp giữa CQGD và CQANĐT trong giám định hình ảnh từ DLĐT

nhằm nâng cao nhận thức và có những giải pháp hiệu quả trong công tác này.

1.1. Quan hệ phối hợp trong giám định dấu vết hình ảnh từ dữ liệu điện tử

Thứ nhất, phối hợp trao đổi thông tin trong quá trình giám định.

Trong quá trình giám định, Điều tra viên và Giám định viên cần thường xuyên trao đổi, cập nhật cho nhau thông tin về tình trạng dữ liệu, khả năng khôi phục, mức độ rõ nét hay dấu hiệu can thiệp kỹ thuật. Ngược lại, Giám định viên cần sự hỗ trợ từ Điều tra viên về thời điểm thu giữ thiết bị, sơ đồ hiện trường, dữ liệu định vị hay nhật ký hệ thống. Sự phối hợp hai chiều này giúp lựa chọn phương pháp giám định phù hợp, rút ngắn thời gian và nâng cao độ tin cậy của kết quả. Điển hình như vụ án Nguyễn Lân Thắng phạm tội “*Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Hình sự năm 2015 vào năm 2023 tại Thành phố Hà Nội³, là minh chứng cho thấy sự phối hợp kịp thời giữa CQANĐT và CQGD. Trong vụ án, bị can đã có hành vi cắt, ghép, chỉnh sửa hình ảnh điện tử tinh vi, khiến cơ quan chức năng gặp khó khăn trong giám định. Sự phối hợp tốt trong công tác giám định giúp CQANĐT xác định chính xác nguồn gốc, dấu vết chỉnh sửa và thời điểm phát tán hình ảnh, từ đó củng cố căn cứ buộc tội. Sự phối hợp càng quan trọng trong những vụ án có dấu hiệu làm mờ, chỉnh sửa hoặc cắt ghép dữ liệu. Thông tin nghiệp vụ từ Điều tra viên giúp Giám định viên định hướng phân tích, đối chiếu đặc điểm nhận dạng và xác minh tính nhất quán về thời gian, địa điểm. Nhờ đó, kết luận giám định trở nên khách quan, có giá trị chứng minh cao. Việc tổ chức các buổi làm việc trực tiếp giữa hai bên cũng giúp tháo gỡ vướng mắc, xử lý kịp thời dữ liệu phức tạp, bảo đảm tính khách quan và giá trị pháp lý của kết luận. Trường hợp khác, trong vụ án Phan Sơn Tùng phạm tội tàng trữ, phát tán tài liệu tuyên truyền chống Nhà nước năm 2022 tại Thành phố Hà Nội⁴, Điều tra viên đã cung cấp dữ liệu

² Hoàng, P. (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.

³ Trọng, P. (2023). Nguyễn Lân Thắng bị tuyên án 6 năm tù vì tội chống Nhà nước. *Đài Tiếng nói Việt Nam*. <https://vov.vn/phap-luat/nguyen-lan-thang-bi-tuyen-an-6-nam-tu-vi-toi-chong-nha-nuoc-post1013467.vov> (Truy cập ngày 20/9/2025).

⁴ Mạnh, H. (2023). Lĩnh án tù vì phát tán tài liệu chống

từ nhiều thiết bị, Giám định viên tiến hành đối chiếu, phân tích tính trùng khớp, góp phần loại trừ giả mạo và xác định bản chất hành vi phạm tội. Đây là minh chứng tiêu biểu cho quan hệ phối hợp giữa CQANĐT và CQGD đã giúp khắc phục khó khăn, giải quyết kịp thời vụ án phức tạp.

Thứ hai, phối hợp trong xây dựng hồ sơ và bảo vệ kết luận giám định.

Sau khi giám định, CQGD không chỉ bàn giao kết luận cho CQANĐT mà còn phải phối hợp xây dựng hồ sơ đầy đủ, khoa học và dễ hiểu. Hồ sơ giám định bao gồm văn bản trưng cầu, biên bản xử lý dữ liệu, ảnh phân tích kỹ thuật, báo cáo chuyên môn và kết luận giám định chính thức. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Điều tra viên và Giám định viên bảo đảm hồ sơ phù hợp tình huống vụ án, đủ sức thuyết phục trong quá trình tố tụng. Như vụ án Nguyễn Duy Linh phạm tội nhận hối lộ năm 2021 tại tỉnh Quảng Nam⁵, khi nghi ngờ về tính nguyên gốc của DLĐT, Giám định viên đã trực tiếp tham gia giải trình phương pháp và công cụ giám định cùng Điều tra viên, qua đó bảo vệ tính khách quan của kết luận, giúp quá trình giải quyết vụ án khách quan, hiệu quả hơn. Ngoài lập hồ sơ, hai bên cần phối hợp bảo vệ kết luận giám định khi có nghi vấn, phản bác hoặc tranh luận tại giai đoạn điều tra, truy tố hay xét xử. Giám định viên có thể trực tiếp giải trình phương pháp, quy trình và công cụ sử dụng, khẳng định tính khách quan và minh bạch của kết luận. Việc này đặc biệt quan trọng trong các vụ án mà hình ảnh điện tử là chứng cứ chính, dễ bị cho là đã bị cắt ghép hoặc chỉnh sửa. Thực tiễn cho thấy, nhiều vụ án được xử lý thuận lợi nhờ Giám định viên tham gia giải thích tại các buổi đối chất hoặc phiên tòa. Tóm lại, phối hợp trong xây dựng hồ sơ và bảo vệ kết luận giám định là một mắt xích quan trọng, giúp kết quả giám định không chỉ hoàn thiện về mặt chuyên môn mà còn bảo đảm giá trị pháp lý vững chắc, phục vụ đắc lực cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử và bảo đảm quyền công tố của Viện kiểm sát được thực hiện nghiêm minh, đúng pháp luật.

phá Nhà nước. *Báo Công lý*. <https://congly.vn/linh-an-tu-vi-phat-tan-tai-lieu-chong-pha-nha-nuoc-384159.html> (Truy cập ngày 20/9/2025).

⁵ Kim. A. (2021). Bị cáo Nguyễn Duy Linh bị phạt 14 năm tù về tội nhận hối lộ. *Báo Quảng Trị*. <https://baoquangtri.vn/phap-luat/202111/bi-cao-nguyen-duy-linh-bi-phat-14-nam-tu-ve-toi-nhan-hoi-lo-2195141/> (Truy cập ngày 20/9/2025).

1.2. Nhận xét, đánh giá

1.2.1. Về ưu điểm, kết quả đạt được

Nhìn chung, thực tiễn công tác chỉ đạo, tổ chức phối hợp giữa CQANĐT và CQGD kỹ thuật hình sự trong quá trình giám định dấu vết hình ảnh từ DLĐT đã được triển khai kịp thời, tương đối thống nhất, đáp ứng tốt các yêu cầu về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ trong từng tình huống cụ thể.

Quan hệ phối hợp được thiết lập trên toàn bộ các khâu hoạt động chuyên môn, từ trao đổi thông tin, kiểm tra đối tượng giám định, đến trưng cầu và thực hiện giám định dấu vết hình ảnh. Việc trao đổi thông tin được tiến hành tương đối đầy đủ, đúng quy trình, giúp bảo đảm chất lượng mẫu vật và giá trị chứng minh của hình ảnh điện tử phục vụ điều tra.

Chất lượng của quan hệ phối hợp đã góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác điều tra, làm rõ hành vi phạm tội, củng cố chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Kết luận giám định dấu vết hình ảnh được công nhận là nguồn chứng cứ khoa học có giá trị pháp lý quan trọng trong quá trình truy tố và xét xử, giúp Tòa án làm rõ diễn biến hành vi, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ đó bảo đảm nguyên tắc “đúng người, đúng tội, đúng pháp luật”.

1.2.2. Về khó khăn, hạn chế

Thứ nhất, sự phối hợp chưa đồng bộ và toàn diện trong các giai đoạn điều tra. Trên thực tế, nhiều vụ án xâm phạm an ninh quốc gia có sử dụng dữ liệu hình ảnh điện tử chỉ được trưng cầu giám định khi hồ sơ đã phát sinh vướng mắc hoặc cần chứng minh tình tiết quan trọng. Việc thiếu kế hoạch phối hợp ngay từ đầu khiến công tác thu thập, bảo quản dữ liệu không được chú trọng, dẫn đến tình trạng mẫu vật bị mất tính nguyên vẹn, dữ liệu gốc khó xác thực. Điều này làm giảm hiệu quả giám định, kéo dài thời gian điều tra và đôi khi ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của chứng cứ theo quy định tại Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do vậy, cần đặt vấn đề xây dựng cơ chế phối hợp từ sớm, có kế hoạch định hướng thu thập và giám định hình ảnh điện tử ngay từ giai đoạn đầu của quá trình điều tra.

Thứ hai, khó khăn trong việc phát hiện và giám định dữ liệu bị can thiệp kỹ thuật. Các đối tượng phạm tội ngày càng sử dụng thủ đoạn tinh vi như làm mờ, cắt ghép, chèn lớp giả lập hoặc áp dụng công nghệ deepfake để tạo dựng hình ảnh, video. Trong vụ án “lừa đảo

chiếm đoạt tài sản” khởi tố năm 2025 tại tỉnh Bắc Giang⁶ cho thấy nhóm đối tượng đã đăng ký hàng trăm tài khoản ngân hàng, sử dụng công nghệ AI để ghép khuôn mặt cán bộ, doanh nhân vào các video nhạy cảm nhằm tống tiền. Khi tiến hành giám định, cơ quan kỹ thuật gặp rất nhiều khó khăn khi phải phục hồi nhiều lớp dữ liệu ẩn, đối chiếu bất thường ánh sáng và chuyển động khuôn mặt mới có thể kết luận được tính giả mạo. Trong vụ án, CQANĐT đã liên tục phải ra những công văn đề nghị, yêu cầu giám định kĩ các hình ảnh để xác minh hành vi phạm tội vì nguồn ảnh từ DLĐT làm chứng cứ quá lớn. Thực tiễn này cho thấy, sự phối hợp chậm hoặc thiếu thông tin từ Điều tra viên sẽ khiến Giám định viên khó khoanh vùng trọng điểm, làm giảm độ tin cậy của kết quả. Do vậy, cần phải tăng cường trao đổi thông tin kịp thời giữa hai cơ quan và đầu tư công cụ giám định hiện đại để đáp ứng yêu cầu mới.

Thứ ba, thiếu chuẩn hóa quy trình phối hợp trong việc thu giữ và bảo quản thiết bị điện tử. Điển hình như vụ cưỡng đoạt tài sản bằng cách phát tán ảnh, clip “nóng” tại quận Liên Chiểu, Đà Nẵng (2025)⁷, cho thấy dữ liệu thường được gửi qua các ứng dụng OTT (Over-The-Top) và nhanh chóng bị xóa. Nếu việc thu giữ thiết bị, sao lưu dữ liệu không tuân thủ đúng quy trình giám định kỹ thuật hình sự thì khó bảo đảm tính toàn vẹn của chứng cứ. Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về thu thập, bảo quản vật chứng chưa được thực hiện nghiêm ngặt ở một số nơi, dẫn đến tình trạng dữ liệu bị mất, bị ghi đè hoặc không thể phục hồi đầy đủ. Do vậy, cần phải ban hành quy trình chuẩn hóa, thống nhất từ khâu thu giữ đến bảo quản để bảo đảm chứng cứ điện tử có giá trị pháp lý.

Thứ tư, hạn chế trong hợp tác với các tổ chức, cá nhân liên quan để thu thập dữ liệu. Trong nhiều trường hợp, dữ liệu hình ảnh điện tử được lưu trữ trên nền tảng mạng xã hội, máy chủ ở nước ngoài hoặc trong ví điện tử

của bên thứ ba. Việc yêu cầu cung cấp log, lịch sử truy cập hay phong tỏa tài khoản thường mất nhiều thời gian, thậm chí không thực hiện được do thiếu cơ chế hợp tác quốc tế hoặc quy định pháp lý rõ ràng. Điều này khiến CQGD gặp khó trong việc truy vết nguồn phát tán dữ liệu, còn CQANĐT không đủ căn cứ kịp thời để ngăn chặn hậu quả. Do vậy, cần tăng cường hợp tác giữa CQANĐT và CQGD trong thu thập, giám định chứng cứ điện tử.

1.2.3. Về nguyên nhân

Thứ nhất, về nhận thức, một bộ phận cán bộ điều tra, Điều tra viên và cả Giám định viên hiện nay vẫn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò mang tính chất quyết định của hoạt động phối hợp trong giám định DLĐT⁸. Việc coi giám định là khâu “hỗ trợ kỹ thuật đơn thuần”, thay vì một mắt xích nghiệp vụ mang tính độc lập, khách quan và có giá trị chứng cứ pháp lý, đã dẫn đến tình trạng coi nhẹ quá trình phối hợp. Điều này thể hiện qua việc trưng cầu không rõ ràng, thiếu tài liệu kèm theo, không phối hợp trong bảo quản, phục hồi dữ liệu hay đánh giá tính nguyên gốc, dẫn đến hạn chế cả về chất lượng và thời gian thực hiện giám định.

Thứ hai, về cơ sở pháp lý của quan hệ phối hợp chưa hoàn thiện. Hiện nay, khung pháp lý điều chỉnh mối quan hệ phối hợp giữa CQANĐT và CQGD trong lĩnh vực DLĐT nói chung, giám định hình ảnh nói riêng vẫn còn bất cập. Hệ thống pháp luật chưa có quy định dưới luật riêng biệt, đầy đủ và có tính hệ thống về trách nhiệm, quyền hạn, trình tự phối hợp, cơ chế chia sẻ thông tin, bảo mật, cũng như cơ chế xử lý khi phối hợp không hiệu quả. Sự thiếu vắng này khiến các bên dễ rơi vào thế bị động, lúng túng, và phụ thuộc nhiều vào tính chủ động, thiện chí cá nhân hơn là nguyên tắc pháp lý ràng buộc.

Thứ ba, về tư duy và mô hình tổ chức. Tư duy hành chính, cục bộ còn tồn tại trong một số cán bộ của cơ quan tiến hành tố tụng. Việc nhìn nhận CQGD như một đơn vị “giúp việc kỹ thuật”, phục vụ yêu cầu điều tra, thay vì là một chủ thể độc lập theo đúng tính chất tố tụng của giám định, đã làm suy giảm vai trò chủ động của CQGD trong quá trình phối hợp. Tình trạng này dẫn đến mối quan hệ phối hợp

⁶ Báo An ninh (2025). Bắt nhóm đối tượng cắt ghép hình ảnh nhạy cảm để lừa đảo. *Truyền hình Công an nhân dân*. <https://antv.gov.vn/phap-luat-3/bat-nhom-doi-tuong-cat-ghiep-hinh-anh-nhay-cam-de-lua-dao-FD3969700.html> (Truy cập ngày 20/9/2025).

⁷ Hải. H. (2025). Bắt nam thanh niên copy clip “nóng” trên Telegram, đe dọa tống tiền. *Báo Thanh tra*. <https://thanhtra.com.vn/an-ninh-trat-tu-D718A18CA/bat-nam-thanh-nien-copy-clip-nong-tren-telegram-de-doa-tong-tien-3e6de3c8c.html> (Truy cập ngày 20/9/2025).

⁸ Nguyễn, N. H. và Đỗ, N. T. (2021). Nâng cao hiệu quả công tác thu thập dữ liệu điện tử là âm thanh trong điều tra vụ án hình sự do Cơ quan An ninh điều tra tiến hành. *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, 03.

thiếu sự tương tác thường xuyên, không theo quy trình chuẩn, chưa có cơ chế liên ngành hiệu quả, và thiếu tính đồng bộ giữa các bước từ trung cầu, thu thập dữ liệu, xử lý, đến phân tích và đánh giá kết quả.

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa cơ quan giám định và cơ quan An ninh điều tra trong giám định hình ảnh từ dữ liệu điện tử

Thứ nhất, nâng cao năng lực và nhận thức của CQGD và CQANĐT trong giám định hình ảnh từ DLĐT

Dấu vết hình ảnh từ DLĐT là chứng cứ kỹ thuật số đặc biệt, dễ bị xóa sửa, làm giả nếu không được thu thập, bảo quản đúng quy trình. Tuy nhiên, năng lực của một bộ phận Điều tra viên, Giám định viên còn hạn chế; trang thiết bị, công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu ảnh hưởng đến chất lượng điều tra. Thực tiễn đó đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ để nâng cao năng lực chuyên môn và phương tiện kỹ thuật cho cả hai cơ quan.

Để khắc phục khó khăn này, cần tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật số, kỹ thuật phân tích và xử lý hình ảnh điện tử cho đội ngũ Điều tra viên, cán bộ kỹ thuật hình sự tại các địa phương, nhất là ở cấp phòng, nơi trực tiếp xử lý nhiều vụ việc ban đầu. Đồng thời, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các cơ quan thực thi pháp luật, viện giám định và các tổ chức khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu công nghệ và cập nhật các xu hướng mới trong phân tích, phục hồi và xác thực hình ảnh kỹ thuật số. Hợp tác quốc tế không chỉ giúp nâng cao năng lực chuyên môn mà còn góp phần hiện đại hóa cơ sở vật chất, từng bước đưa hoạt động giám định hình ảnh ở Việt Nam tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường khả năng hợp tác trong điều tra tội phạm xuyên quốc gia hoặc có yếu tố nước ngoài.

Cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn, cần đặc biệt chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sĩ về vị trí, vai trò của công tác giám định hình ảnh trong điều tra hình sự.⁹ CQANĐT và Viện Khoa học hình sự không chỉ là lực lượng phối hợp, mà còn là chủ thể trực tiếp quyết định đến việc chứng minh hành vi phạm tội. Việc xác định, thu thập và bảo quản dấu vết hình ảnh đúng quy trình, khách quan, khoa học là yếu tố cốt lõi bảo đảm giá trị pháp

lý của chứng cứ. Trong các vụ án an ninh phức tạp, nhạy cảm, công tác giám định hình ảnh càng phải chính xác tuyệt đối, không để sơ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, gây cản trở quá trình điều tra và xét xử.

Thứ hai, chủ động, linh hoạt trong phối hợp giám định hình ảnh từ DLĐT

Trong điều tra các vụ án hình sự, dấu vết hình ảnh từ DLĐT giữ vị trí quan trọng trong chứng minh tội phạm. Do dễ bị xóa sửa, làm giả, loại chứng cứ này đòi hỏi CQANĐT phải chủ động, linh hoạt trong phối hợp với CQGD ngay từ khâu thu thập để bảo đảm tính toàn vẹn, khách quan và giá trị pháp lý của dữ liệu.

Hoạt động phối hợp trong thu thập dấu vết hình ảnh cần được tiến hành khoa học, phù hợp với tình huống vụ án và tuân thủ pháp luật. Điều tra viên phải bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu qua các biện pháp như niêm phong điện tử, ghi log, sao lưu có chứng thực và lưu giữ file gốc bất biến. Việc bảo quản đúng quy trình tạo thuận lợi cho công tác giám định, giúp quá trình điều tra nhanh chóng, khách quan. Nội dung trung cầu giám định phải rõ ràng, bám sát yêu cầu chứng minh vụ án và trong giới hạn kỹ thuật của CQGD. Quá trình phối hợp cần xuyên suốt từ thu thập, trung cầu đến kết luận để rút ngắn thời gian, tránh gián đoạn và kịp thời bổ sung thông tin¹⁰.

Để nâng cao hiệu quả phối hợp, cần tăng cường nhận thức về giá trị của dấu vết hình ảnh, tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học liên ngành, chia sẻ kinh nghiệm và thống nhất quy trình nghiệp vụ. Đồng thời, hàng năm cần tổng kết, đánh giá thực tiễn để xây dựng bộ tiêu chuẩn phối hợp có tính ứng dụng cao, phục vụ đào tạo thế hệ cán bộ mới. Học viện An ninh nhân dân cũng cần phối hợp với các đơn vị chuyên môn xây dựng hệ thống lý luận về giám định hình ảnh điện tử, góp phần làm rõ cơ sở khoa học, pháp lý của hoạt động phối hợp trong điều tra các vụ án công nghệ cao, phù hợp xu thế chuyển đổi số hiện nay.

Thứ ba, nâng cao cơ chế phối hợp, các quy định về phối hợp giữa CQGD và CQANĐT trong giám định hình ảnh từ DLĐT

Từ thực tiễn công tác giám định, có thể thấy mối quan hệ phối hợp giữa CQANĐT và CQGD trong thu thập, bảo quản và giám

¹⁰ Lê, T. Q. (2025). Những khó khăn khi xác định các thuộc tính của chứng cứ điện tử. *Tạp chí Điện tử Kiểm sát*. <https://kiemsat.vn/nhung-kho-khan-khi-xac-dinh-cac-thuoc-tinh-chung-cu-dien-tu-70525.html> (Truy cập ngày 02/8/2025).

⁹ Nguyễn, N. H. và Đỗ, N. T., Tlđd.

định dấu vết hình ảnh từ DLĐT vẫn còn hạn chế, thiếu cơ chế pháp lý đầy đủ và quy trình thống nhất. Điều này dẫn đến việc phối hợp chủ yếu mang tính tự phát, phụ thuộc vào từng vụ việc, chưa đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp hóa trong điều tra tội phạm công nghệ cao¹¹. Vì vậy, việc hoàn thiện cơ chế phối hợp là yêu cầu cấp thiết.

Cần xây dựng một cơ chế phối hợp cụ thể, hệ thống, quy định rõ nguyên tắc, mục tiêu, phạm vi và trách nhiệm của từng bên trong từng giai đoạn (thu thập, bảo quản, trung cầu, giám định). Những nội dung này nên được cụ thể hóa bằng văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, bảo đảm Điều tra viên và Giám định viên có căn cứ thực hiện hiệu quả. Việc triển khai quan hệ phối hợp cần tuân thủ một quy trình phối hợp rõ ràng, khoa học. Quy trình này có thể bao gồm các bước cơ bản gồm: Xác định sự cần thiết của hoạt động phối hợp trên cơ sở đánh giá dấu hiệu vụ án và mức độ quan trọng của dấu vết hình ảnh; Lập kế hoạch phối hợp với phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định thời điểm, phương tiện kỹ thuật cần thiết và cách thức chia sẻ thông tin; Tổ chức thực hiện phối hợp bảo đảm thông tin luân chuyển kịp thời, bảo mật và hỗ trợ kỹ thuật khi cần thiết; Đánh giá kết quả phối hợp thông qua tổng kết từng vụ việc hoặc định kỳ, để rút ra bài học, điều chỉnh quy trình cho phù hợp. Việc áp dụng quy trình phối hợp thống nhất không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả xử lý dấu vết mà còn tạo tiền đề cho việc hình thành chuẩn mực phối hợp liên ngành trong điều tra các vụ án sử dụng công nghệ cao.

Đặc biệt, cần thiết lập lộ trình tổng kết, đánh giá định kỳ thông qua hội nghị, tọa đàm với sự tham gia của cả hai cơ quan và chuyên gia pháp luật, công nghệ. Đây là cơ sở để kịp thời sửa đổi bất cập, nhân rộng mô hình phối hợp hiệu quả, hướng tới hình thành bộ quy chuẩn thống nhất, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong hoạt động điều tra, giám định hiện nay.

Kết luận

Qua nghiên cứu thực tiễn giám định hình ảnh từ DLĐT trong điều tra vụ án hình sự của

CQANĐT, có thể thấy hạn chế lớn hiện nay là thiếu một cơ chế phối hợp rõ ràng, chặt chẽ giữa CQGĐ và CQANĐT. Việc chưa có quy định pháp lý cụ thể về trách nhiệm và quy trình phối hợp khiến hoạt động giám định chưa phát huy đầy đủ giá trị, ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra. Bài viết đã phân tích thực trạng, chỉ ra ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đề xuất một số giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp. Kết quả nghiên cứu bước đầu này vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có giá trị thực tiễn, góp phần hoàn thiện cơ chế phối hợp trong giám định hình ảnh từ DLĐT, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm công nghệ cao trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng, P. (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.
2. Ban Từ điển (2006). *Từ điển Khoa học và Công nghệ Anh-Việt*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
3. Học viện An ninh nhân dân (2010). *Kỹ thuật hình sự* (Tập I, II, III). Giáo trình nghiệp vụ.
4. Nguyễn, N. H. và Đỗ, N. T. (2021). Nâng cao hiệu quả công tác thu thập dữ liệu điện tử là âm thanh trong điều tra vụ án hình sự do Cơ quan An ninh điều tra tiến hành. *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, 03.
5. Lê, T. Q. (2025). Những khó khăn khi xác định các thuộc tính của chứng cứ điện tử. *Tạp chí Điện tử Kiểm sát*. <https://kiemsat.vn/nhung-kho-khan-khi-xac-dinh-cac-thuoc-tinh-chung-cu-dien-tu-70525.html>.
6. Hoàng, A. T. và Hoàng, T. L. (2025). Hoàn thiện cơ chế xác định thuộc tính chứng cứ điện tử - Yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://svn.vn/hoan-thien-co-che-xac-dinh-thuoc-tinh-chung-cu-dien-tu-yeu-cau-cap-thiet-trong-boi-can-h-chuyen-doi-so-a160545.html>.
7. Trọng, P. (2023). Nguyễn Lan Thắng bị tuyên án 6 năm tù vì tội chống Nhà nước. *Đài Tiếng nói Việt Nam*. <https://vov.vn/phap-luat/nguyen-lan-thang-bi-tuyen-an-6-nam-tu-vi-toi-chong-nha-nuoc-post1013467.vov>.
8. Mạnh, H. (2023). Linh án tù vì phát tán tài liệu chống phá Nhà nước. *Báo Công lý*. <https://congly.vn/linh-an-tu-vi-phat-tan-tai-lieu-chong-pha-nha-nuoc-384159.html>.
9. Kim, A. (2021). Bị cáo Nguyễn Duy Linh bị phạt 14 năm tù về tội nhận hối lộ. *Báo Quảng Trị*. <https://baoquangtri.vn/phap-luat/202111/bi-cao-nguyen-duy-linh-bi-phat-14-nam-tu-ve-toi-nhan-hoi-lo-2195141/>.
10. Báo An ninh (2025). Bắt nhóm đối tượng cắt ghép hình ảnh nhạy cảm để lừa đảo. *Truyền hình Công an nhân dân*. <https://antv.gov.vn/phap-luat-3/bat-nhom-doi-tuong-cat-ghep-hinh-anh-nhay-cam-de-lua-dao-FD3969700.html>.
11. Hải, H. (2025). Bắt nam thanh niên copy clip “nóng” trên Telegram, đe dọa tống tiền. *Báo Thanh tra*. <https://thanhtra.com.vn/an-ninh-trat-tu-D718A18CA/bat-nam-thanh-nien-copy-clip-nong-tren-telegram-de-doa-tong-tien-3e6de3c8c.html>.

¹¹ Hoàng, A. T. và Hoàng, T. L. (2025). Hoàn thiện cơ chế xác định thuộc tính chứng cứ điện tử - Yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://svn.vn/hoan-thien-co-che-xac-dinh-thuoc-tinh-chung-cu-dien-tu-yeu-cau-cap-thiet-trong-boi-can-h-chuyen-doi-so-a160545.html> (Truy cập ngày 17/8/2025).